| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TUYÊN QUANG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1911 /QĐ-UBND | *Tuyên Quang, ngày 27 tháng 7 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh hoàn thành chương trình Dự bị Đại học được cử đi học đại học, cao đẳng theo chế độ cử tuyển năm 2026**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số;*

*Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Văn bản số 5712/BGDĐT-GDĐH ngày 18/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chỉ tiêu cử tuyển năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển đi học theo chế độ cử tuyển năm 2025;*

*Căn cứ Văn bản số 1773/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 06/4/2026 của Đại học Thái Nguyên về việc chỉ tiêu cử tuyển năm học 2026-2027; Văn bản số 883/ĐHSPHN-ĐT ngày 01/7/2026 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về việc tiếp nhận học sinh để đào tạo bậc đại học theo diện cử tuyển năm học 2026-2027; Văn bản số 1013/ĐVTDT-ĐT ngày 26/06/2026 của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc tiếp nhận đào tạo sinh viên theo chế độ cử tuyển cho tỉnh Tuyên Quang năm học 2026-2027; Văn bản số 552/DBĐHSS-BDQLCL ngày 16/7/2026 của Trường Dự bị Đại học Sầm Sơn về việc báo cáo kết quả bồi dưỡng dự bị đại học cho học sinh cử tuyển năm học 2025-2026;*

*Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 160/TTr-SGDĐT ngày 23/7/2026 về việc ban hành Quyết định Phê duyệt danh sách học sinh hoàn thành chương trình Dự bị Đại học được cử đi học đại học, cao đẳng theo chế độ cử tuyển năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Phê duyệt danh sách 86 học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học được cử đi học đại học, cao đẳng theo chế độ cử tuyển năm 2026 tại các trường đại học, gồm:

1. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh: 18 học sinh.

2. Đại học Thái Nguyên: 67 học sinh, trong đó:

2.1. Trường Đại học Sư phạm: 13 học sinh

- Chuyên ngành Sư phạm Tin học: 09 học sinh;
- Chuyên ngành Sư phạm Hóa học: 01 học sinh;
- Chuyên ngành Sư phạm Giáo dục công dân: 01 học sinh;
- Chuyên ngành Sư phạm Giáo dục thể chất: 01 học sinh;
- Chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc: 01 học sinh;

2.2. Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang: 54 học sinh

- Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học: 17 học sinh;
- Chuyên ngành Giáo dục mầm non (hệ Cao đẳng): 37 học sinh;

3. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

- Chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật: 01 học sinh.

*(Chi tiết có danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Học sinh được cử đi học đại học theo chế độ cử tuyển được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước; có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục kể từ ngày nhập học; chấp hành nghiêm nội dung đã cam kết trước khi đi học; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có học sinh được cử đi học tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đại học Thái Nguyên;
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;
- Trường Dự bị Đại học Sầm Sơn;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

**Vương Ngọc Hà**

# DANH SÁCH

**Học sinh hoàn thành chương trình Dự bị Đại học được cử đi học đại học, cao đẳng theo chế độ cử tuyển năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 27 /7/2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

| TT | Họ và tên | NTNS | Giới tính | Dân tộc | Nơi ở hiện nay | | Năm nhập học | Năm dự kiến tốt nghiệp | Chuyên ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thôn | Xã | | | | |
| **I. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội** | | | | | | | | | | |
| 1 | Nông Việt Bách | 10/09/2007 | Nam | Tày | Bản Bung | Nà Hang | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 2 | Lèng Thị Chinh | 14/03/2007 | Nữ | Nùng | Nấm Chiến | Nấm Dẩn | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 3 | Lầu Thị Chứ | 28/08/2007 | Nữ | Mông | Séo Lủng | Lũng Cú | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 4 | Vàng Thị Ngọc Hà | 05/09/2007 | Nữ | Pu Péo | Phố Trồ | Phố Bảng | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 5 | Phù Thị Hạnh | 18/02/2005 | Nữ | Pà Thẻn | Mác Thượng | Tân Trịnh | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 6 | Hà Thị Huyên | 18/09/2007 | Nữ | Tày | Nà Kiệt | Ngọc Long | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 7 | Vàng Ngọc Lan | 25/11/2007 | Nữ | Mông | Sủng Trà | Sủng Máng | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 8 | Lèng Thị Anh Lê | 29/12/2007 | Nữ | Tày | Nà Vài | Quang Bình | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 9 | Hầu Ánh Mai | 05/05/2007 | Nữ | Mông | Lố Thàng I | Lùng Tám | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 10 | Hoàng Như Ngọc | 19/02/2007 | Nữ | Tày | Cóc Mươi Thượng | Thàng Tín | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 11 | Lù Thị Phui | 10/09/2005 | Nữ | Nùng | Cốc Độ | Nấm Dẩn | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 12 | Hoàng Thị Phương | 24/04/2007 | Nữ | Nùng | Pạc Tiến | Trung Thịnh | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 13 | Phan Thị Thanh | 16/06/2007 | Nữ | Dao | Nà Sang | Tát Ngà | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 14 | Lù Phương Thoa | 15/09/2006 | Nữ | Nùng | Đông Chứ | Trung Thịnh | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 15 | Lìu Thị Anh Thư | 31/07/2006 | Nữ | Nùng | Cốc Rế | Trung Thịnh | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |

| TT | Họ và tên | NTNS | Giới tính | Dân tộc | Nơi ở hiện nay | | Năm nhập học | Năm dự kiến tốt nghiệp | Chuyên ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thôn | Xã | | | | |
| 16 | Lý Thị Hà Trang | 24/04/2007 | Nữ | Giáy | Bắc Làng | Tát Ngà | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 17 | Chẩu Thị Hà Vân | 20/10/2007 | Nữ | Tày | Tống Pu | Bình An | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| 18 | Chúng Thị Xuân | 30/10/2007 | Nữ | Pu Péo | Cháng Lộ | Thắng Mố | 2026 | 2030 | Sư phạm Tiếng Anh | |
| **II. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên** | | | | | | | | | | |
| 19 | Ma Công Bình | 13/04/2007 | Nam | Tày | Bản Péo | Nậm Dịch | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 20 | Thèn Ngọc Bảo Châu | 22/12/2007 | Nam | Nùng | U Khố Sủ | Hoàng Su Phì | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 21 | Bàn Thị Chẩu | 25/09/2007 | Nữ | Dao | Khuổi Luông | Cao Bồ | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 22 | Giàng Trung Dương | 06/09/2006 | Nam | Nùng | Khâu Rom | Quảng Nguyên | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 23 | Sùng Văn Hùng | 10/03/2007 | Nam | Mông | Na Cho Cai | Nghĩa Thuận | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 24 | Lèng Thế Huynh | 01/01/2007 | Nam | Tày | Mường | Bạch Ngọc | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 25 | Nguyễn Minh Hưng | 18/01/2007 | Nam | Tày | Nà Nưa | Đường Hồng | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 26 | Lù Thị Nga | 09/09/2006 | Nữ | Nùng | Khâu Rom | Quảng Nguyên | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 27 | Vương Minh Phúc | 10/01/2007 | Nam | Dao | Bản Luốc | Hoàng Su Phì | 2026 | 2030 | Sư phạm Tin học | |
| 28 | Triệu Thị Tâm Lan | 04/06/2007 | Nữ | Tày | Bản Cuống | Minh Quang | 2026 | 2030 | Sư phạm Giáo dục công dân | |
| 29 | Ma Công Tuấn Anh | 02/05/2004 | Nam | Tày | Nà Bó | Bình An | 2026 | 2030 | Sư phạm Giáo dục thể chất | |
| 30 | Vương Bình Minh | 29/05/2007 | Nam | Tày | Bản Cậy | Hoàng Su Phì | 2026 | 2030 | Sư phạm Hóa học | |
| 31 | Hoàng Thị Hằng | 25/09/2007 | Nữ | Nùng | Lủng Cháng | Trung Thịnh | 2026 | 2030 | Sư phạm Âm nhạc | |
| **III. Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang** | | | | | | | | | | |
| 32 | Vương Thị Lan Anh | 24/05/2007 | Nữ | Hoa | Tân Sơn 1 | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |

| TT | Họ và tên | NTNS | Giới tính | Dân tộc | Nơi ở hiện nay | | Năm nhập học | Năm dự kiến tốt nghiệp | Chuyên ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thôn | Xã | | | | |
| 33 | Lý Thị Hoàng Cúc | 05/02/2007 | Nữ | Mông | Tiến Xuân | Yên Cường | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 34 | Trần Thị Châm | 23/07/2007 | Nữ | Giáy | Nà Dầu | Tát Ngà | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 35 | Hoàng Thị Dĩ | 14/11/2007 | Nữ | Pà Thẻn | Thượng Bình | Yên Thành | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 36 | Vàng Thị Dính | 23/03/2007 | Nữ | Mông | Mon Vải | Yên Minh | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 37 | Lý Thị Điền | 09/09/2007 | Nữ | Dao | Thôm Khiêu | Giáp Trung | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 38 | Hà Thị Hương Giang | 10/05/2007 | Nữ | Tày | Bản Rắn | Ngọc Long | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 39 | Cháng Thị Giang | 15/09/2006 | Nữ | Nùng | Cốc Độ | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 40 | Thèn Thu Hà | 01/09/2007 | Nữ | Nùng | Bản Chè 2 | Tân Tiến | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 41 | Vàng Thị Hạnh | 20/05/2006 | Nữ | Mông | Sảng Pả 2 | Đường Thượng | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 42 | Nguyễn Thị Thu Hằng | 08/04/2007 | Nữ | Tày | Nà Lừa | Trung Hà | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 43 | Lù Thị Hằng | 19/02/2007 | Nữ | Nùng | Lủng Pô | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 44 | Lương Thị Minh Hiền | 20/06/2006 | Nữ | Tày | Bản Rịa | Yên Thành | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 45 | Tẩn Thị Hiền | 25/10/2006 | Nữ | Dao | Pao Mã Phìn | Tùng Vài | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 46 | Hoàng Diệu Hiền | 19/08/2005 | Nữ | Tày | Bản Rịa | Yên Thành | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 47 | Cháng Thị Hiệu | 24/10/2007 | Nữ | Nùng | Nấm Lu | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 48 | Lý Tú Hoa | 18/02/2007 | Nữ | Tày | Trung Sơn | Thượng Sơn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 49 | Chẩn Thị Hồng | 07/02/2007 | Nữ | Nùng | Lủng Pô | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 50 | Nguyễn Thị Hương | 02/09/2006 | Nữ | Tày | Khau Cau | Lâm Bình | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 51 | Lã Thùy Linh | 27/05/2007 | Nữ | Tày | Bản Khén | Bắc Mê | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |

| TT | Họ và tên | NTNS | Giới tính | Dân tộc | Nơi ở hiện nay | | Năm nhập học | Năm dự kiến tốt nghiệp | Chuyên ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thôn | Xã | | | | |
| 52 | Lương Thị Ngọc Linh | 09/09/2007 | Nữ | Tày | Minh Sơn | Thông Nguyên | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 53 | Giàng Thị Loan | 23/05/2006 | Nữ | Mông | Sảng Pả 1 | Đường Thượng | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 54 | Vừ Thị Mai | 04/10/2007 | Nữ | Mông | Mao Só Tủng | Phố Bảng | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 55 | Gì Thị Mai | 20/12/2005 | Nữ | Nùng | Thống Nhất | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 56 | Triệu Thúy Nga | 03/01/2007 | Nữ | Nùng | Nà Nôm | Đường Hồng | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 57 | Cháng Thị Thanh Nguyên | 28/06/2005 | Nữ | Nùng | Tân Sơn 1 | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 58 | Giàng Thị Thu Nguyệt | 04/04/2007 | Nữ | Mông | Lùng Sán | Pà Vầy Sủ | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 59 | Hạng Thị Phìn | 06/07/2007 | Nữ | Mông | Ma Dì Vảng | Xín Mần | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 60 | Lò Trọng Quý | 04/08/2007 | Nam | Giáy | Nà Lạc | Tát Ngà | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 61 | Thèn Thị Rưi | 27/04/2007 | Nữ | Nùng | Đông Chứ | Trung Thịnh | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 62 | Ly Thị Son | 16/05/2006 | Nữ | Nùng | Nấm Dẩn | Nấm Dẩn | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 63 | Phùng Thị Thảo | 08/09/2007 | Nữ | Dao | Bản Chúa | Minh Quang | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 64 | Lù Thị Theo | 09/11/2007 | Nữ | Nùng | Đông Chứ | Trung Thịnh | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 65 | Lò Thị Trang | 30/04/2007 | Nữ | Giáy | Nà Dầu | Tát Ngà | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 66 | Nông Thị Thùy Trang | 05/08/2007 | Nữ | Tày | Bản Đúng | Đường Hồng | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 67 | Tráng Thị Vui | 09/10/2007 | Nữ | Tày | Bản Rào | Bạch Đích | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 68 | Mùng Thị Yến | 27/06/2007 | Nữ | Nùng | Cốc Pục | Bạch Đích | 2026 | 2029 | Giáo dục mầm non | |
| 69 | La Thị Dịu | 21/01/2007 | Nữ | Dao | Tiến Thành | Bạch Ngọc | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 70 | Nông Thị Thùy Dung | 10/11/2007 | Nữ | Tày | Phia Lài | Minh Quang | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |

| TT | Họ và tên | NTNS | Giới tính | Dân tộc | Nơi ở hiện nay | | Năm nhập học | Năm dự kiến tốt nghiệp | Chuyên ngành | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Thôn | Xã | | | | |
| 71 | Hoàng Thị Thu Đoài | 30/10/2007 | Nữ | Tày | Bản Rịa | Yên Thành | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 72 | Nguyễn Văn Hùng | 06/06/2007 | Nam | Tày | Khau Tinh | Yên Hoa | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 73 | Nông Thị Liên | 08/03/2007 | Nữ | La Chí | Díu Thượng | Xín Mần | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 74 | Lò Văn Liển | 12/09/2006 | Nam | Giáy | Nà Lạc | Tát Ngà | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 75 | Hà Thị Hồng Nết | 24/11/2007 | Nữ | Tày | Nà Pục | Hồng Thái | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 76 | Hoàng Thị Nguyệt Nga | 17/05/2007 | Nữ | Tày | Bản Thín | Yên Thành | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 77 | Hạng Thị Kim Ngân | 16/07/2007 | Nữ | Mông | Séo Lủng I | Lùng Tám | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 78 | Lù Thị Bích Nguyệt | 01/06/2007 | Nữ | La Chí | Na Lũng | Xín Mần | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 79 | Nùng Thế Nhật | 10/11/2007 | Nam | Giáy | Nậm Lụng | Tát Ngà | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 80 | Ngô Khánh Quyên | 16/07/2007 | Nữ | Tày | Bắc Triển | Kiến Thiết | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 81 | Nông Văn Tuyên | 20/02/2007 | Nam | Giáy | Tát Ngà | Tát Ngà | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 82 | Ma Văn Thông | 24/04/2007 | Nam | Tày | Bản Luông | Minh Quang | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 83 | Ma Minh Thư | 05/02/2007 | Nữ | Giáy | Nặm Pạu | Đồng Tâm | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 84 | Mua Thị Út | 29/08/2006 | Nữ | Mông | Đoàn Kết | Sà Phìn | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| 85 | Vàng Mí Xá | 27/02/2007 | Nam | Mông | Sảng Chải B | Khâu Vai | 2026 | 2030 | Giáo dục Tiểu học | |
| **IV. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa** | | | | | | | | | | |
| 86 | Tráng Thị Huệ | 14/02/2007 | Nữ | Mông | Pà Vầy Sủi | Yên Thành | 2026 | 2030 | Sư phạm Mỹ thuật | |

*(Ấn định danh sách có 86 học sinh)*